

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

**THIÊN THỦ THIÊN NHÂN
ĐẠI BI TÂM CHÚ HÀNH
PHÁP**

SỐ 1950

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1950

THIÊN THỦ NHÃN ĐẠI BI TÂM CHÚ HÀNH PHÁP

Sa-môn Tri Lễ ở Tứ Minh soạn biên tập.

Đại Đà-la-ni này từ nhỏ tôi đã đọc thuộc lòng nhưng không biết cách trì. Sau học Thiên Thai giáo quán tìm ra văn kinh ấy. Quán Tuệ Sự Nghi đủ để hành dụng, nên lược nêu ra khuôn phép có thể tự thực hành. Song chỗ ngài Trí Giả lập ra hành nghi (cách hành trì) gồm có bốn thứ: Một là thường ngồi, tức là Tam-muội Nhất Hạnh trong kinh Văn-thù Vấn; hai là thường đi, tức Tam-muội Phật Lập trong Kinh Bát-Chu; ba là thường đi nửa ngồi, tức là hai kinh Phương Đẳng và Pháp Hoa nói về hai Tam-muội Đản Trì và Phổ Hiền; bốn là không phải đi không phải ngồi, tức là y theo hành pháp của các kinh và trải qua thiện ác vô ký tu quán, gọi chung là Tam-muội Tùy Tự Ý. Nếu y cứ theo kinh này chẳng dạy chuyên ngồi chỉ đi và tương phân nửa (nửa ngồi nửa đi) cùng chẳng nhậm theo ba tánh ở trong giác sát mà khiến hai mươi một ngày y pháp tụng trì, bởi tùy tự ý, y theo pháp kinh hành. Nay ở kinh này nêu ra mười ý: Một là trang nghiêm đạo tràng, hai là tịnh ba nghiệp, ba là kiết giới, bốn là tu cúng dường, năm là thỉnh Tam bảo, các trời, sáu là khen ngợi bày tỏ chí thành, bảy là đánh lễ, tám là phát nguyện trì chú, chín là sám hối, mười là tu quán hạnh. Nhưng vẫn dùng Tam-muội Pháp Hoa giúp cho quán tưởng, chú thích sự nghi dưới đây, giúp người tu khỏi xét văn khác.

1. *Trang nghiêm đạo tràng*: Kinh nói: Ở trong tịnh thất treo phướn đốt đèn, hương hoa, thức ăn để cúng dường. Bách Lục Thỉnh Quán Âm Nghi chép: Phải nghiêm sức đạo tràng, hương thơm thoa đất, treo các

phướn lọng, bày các tượng Phật ngó về hướng Nam, riêng tượng Quan Âm thì ngó về Đông. Nay phải đặt tượng Thiên Thủ Nhân Quan Âm hoặc bốn mươi tay, nếu không có tượng này thì chỉ dùng tượng sáu tay hoặc bốn tay, hoặc chỉ là tượng Quán Âm thôi. Cũng không cần tượng Thích-ca, Thế Chí. Số người tu chỉ mười vị trở xuống, phải trải chiếu ngó về hướng Tây. Nếu đất thấp ướt thì đặt giường thấp, hằng ngày ra sức cúng dường. Nếu chẳng làm được thì ngày mồng một chẳng thể không thực hành. Phụ hành nói tuy tâm miêng tinh thành nhưng phải dùng phước để trợ giúp. Hằng ngày thực hành càng tăng thêm. Sợ năng lực chẳng kịp nên cho từ ngày mồng một. Khóa trước đã lo tiền của để tỏ bày hết lòng. Kinh nói: Nếu các chúng sinh hiện đời cầu nguyện, trong hai mươi một ngày tịnh trì trai giới, tụng Đà-la-ni này sẽ có kết quả điều nguyện. Y cứ vào pháp tu này phải hai mươi một ngày làm một kỳ hạn không thể giảm ít hơn. Theo Tam-muội Pháp Hoa trước khi chánh tu phải ở mười bảy ngày làm pháp phương tiện, khiến sự nghi lý quán đều tinh thực, nhưng vẫn cầu che chở không bị chướng ngại.

2. *Tịnh ba nghiệp*. Kinh nói: Người tụng thần chú này phát tâm Đại Bồ-đề thể độ tất cả chúng sinh, thân giữ trai giới, ở trong tịnh thất, tắm gội thanh tịnh, mặc y phục sạch, định tâm một chỗ, chẳng có duyên khác. Tam-muội Pháp Hoa chép: Mới vào đạo tràng phải dùng nước thơm tắm gội, mặc áo sạch đẹp, hoặc đại y và các y phục mới nhuộm. Nếu không có áo mới thì phải lấy áo tốt nhất coi là áo vào đạo tràng. Sau nếu ra khỏi đạo tràng đến chỗ bất tịnh thì phải cởi tịnh y ra mà mặc áo bất tịnh. Làm xong thì phải tắm gội và mặc tịnh y (áo sạch) mà vào đạo tràng hành pháp (như trên là văn Tam-muội Pháp Hoa). Dầu suốt ngày chẳng đến chỗ uest, cũng phải tắm gội một lần, hết một kỳ chuyên chú không nói tạp và tất cả các tiếp xúc thăm viếng v.v... trọn một kỳ y kinh vận tưởng chẳng được sát-na (chốc lát) nghĩ chuyện đời. Nếu đi vệ sinh, ăn uống, cũng phải giữ gìn, chớ để tan mất. Việc xong liền vào đạo tràng chẳng được mượn việc mà kéo dài chậm trễ. Đại yếu thân luận khai giá, khẩu luận nói nín, ý luận chỉ quán. Người tu phải nương thầy lành mà học hỏi, biết việc nào làm được, chớ nên làm càn.

3. *Kiết giới*. Người tu phải lập ngày đầu tiên chưa kính lễ phải ở chỗ tu hành mà kiết giới đúng pháp. Kinh chép: Về phép kiết giới, phải đọc chú hai mươi một biến, dùng dao vạch đất làm ranh giới, hoặc lấy nước sạch mà đọc chú hai mươi biến ra bốn phương làm ranh giới, hoặc dùng hạt cải trắng đọc chú hai mươi một biến ném ra bốn phương làm ranh giới. Hoặc tưởng chỗ đến làm ranh giới hoặc lấy tro sạch đọc chú

hai mươi một biến làm ranh giới, hoặc đọc chú vào chỉ năm màu hai mươi một biến mà giảng bốn bên làm ranh giới, đều được. Nếu thọ trì đúng pháp. Kinh tự Trang Khắc Quả chép: Trong ranh giới đều được đi tự do.

4. *Tu cúng dường.* Người tu y pháp kiết giới rồi, liền đến trước tượng Thiên Nhân, trước đứng trên đồ trái, phải nhớ nghĩ tất cả Tam bảo và chúng sinh trong pháp giới không hai không khác với thân tâm ta. Chư Phật đã ngộ, chúng sinh còn mê ta là chúng sinh trái với mê chướng, nên lễ thờ Tam bảo. Nghĩ thế rồi thì miệng đọc lớn:

- Tất cả cung kính nhất tâm đảnh lễ mười phương Thường Trụ Tam bảo (lễ một lạy xong đốt hương rải hoa. Người đứng đầu đọc lớn).

- Tất cả chúng đều quì thẳng nghiêm trang dâng hương hoa đúng pháp cúng dường. Nguyện mây hương hoa này, cùng khắp cõi mười phương. Mỗi cõi Phật có vô lượng hương trang nghiêm, đầy đủ đạo Bồ-tát, thành tựu hương Như Lai.

(Đến đây tưởng rằng hương hoa của mình cùng khắp mười phương thành đài ánh sáng màu nhiệm. Các âm nhạc trời và hương báu trời, thức ăn trời, áo báu trời là pháp trần chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả đều trang nghiêm khắp đến mười phương ở trước Tam bảo. Ở trước Tam bảo mười phương đều có thân mình cúng dường).

- Cúng dường xong, tất cả đều cung kính.

5. *Thỉnh Tam bảo, các trời, đọc lớn rằng:*

- Nhất tâm kính thỉnh; Nam-mô Thế tôn Bổn sư Thích-ca Mâu-ni.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Thế tôn A-di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Thế tôn Thiên Quang Vương Tịnh Trụ ở vô lượng ức kiếp trong quá khứ.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô chín mươi chín ức Khắc-già-sa Chư Phật, Thế tôn ở quá khứ.

- Nhất tâm phụng thỉnh, Nam-mô tất cả Chư Phật Thế tôn ở mười phương.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô ngàn Phật ở kiếp Hiền, tất cả Chư Phật, Thế tôn trong ba đời.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà-la-ni Thân Diệu Chương Cú.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Quan Âm Sở Thuyết Chư Đà-la-ni Mười Phương Tam Thế Nhất Thiết Tôn Pháp.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Tự Tại Đại Bồ-tát.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Đại Thế Chí.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Tổng Trì Vương.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Nhật Quang, Đại Bồ-tát Nguyệt Quang.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Bảo Vương, Đại Bồ-tát Dược Vương, Đại Bồ-tát Dược Thượng.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Hoa Nghiêm, Đại Bồ-tát Trang Nghiêm, Đại Bồ-tát Bảo Tạng.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Đức Tạng, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Di-lặc, Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô tất cả Đại Bồ-tát ba đời ở khắp mười phương.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam mô Ma-ha Ca-diếp, Vô Lượng Vô Số Đại Thanh Văn tăng.
- Nhất tâm kính thỉnh, Thiện Tra Phạm Ma-cù-bà-già Thiên Tử, Tứ Vương Hộ Thế, tám Bộ Đồng Mục Thiên Nữ, Thần Hư Không, thần sông biển, thần sông suối, thần hồ ao, thần cỏ thuốc rừng cây, thần nhà cửa, thần sông, thần lửa, thần gió, thần đất, thần núi, thần đất, thần cung điện, v.v... và trời rồng Quỷ Thần Thủ Hộ Trì Chú và các quyến thuộc.
- Cúi mong Bốn sư Thích-ca, cha lành Di-đà, Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai mười phương ba đời tất cả Chư Phật, chẳng đời bản tế bình đẳng từ huân giáng hiện đạo tràng chứng minh con hành pháp.
- Tâm Đại bi viên mãn rộng lớn vô ngại, tổng trì bí yếu hiển hiện đạo tràng, nhận con cúng dường.
- Đại Bồ-tát Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm, nhờ năng lực bản nguyện hiện ra trước con. Thần chú gia trì mau tiêu ba chướng. Bồ-tát Đại Thế Chí, Tổng Trì Vương, v.v... các Đại Bồ-tát, Ma-ha Ca-diếp các Đại Thanh văn đồng vận từ bi đồng thời giáng hiện.
- Phạm Thích Tứ Vương, Chư Thiên, tám bộ tùy con thỉnh đến giữ gìn đạo tràng, ủng hộ trì chú, dứt các tốt lành, hiện bày tốt lành, khiến con tu không trái bản nguyện.

6. Khen ngợi tỏ lòng thành:

Nam mô Như Lai ở quá khứ Chánh Pháp Minh, hiện tiền Bồ-tát Quán Thế Âm, thành tựu công đức, đủ đại từ bi, ở một thân tâm hiện

ngàn tay mắt, soi thấy pháp giới hộ trì chúng sinh khiến phát đạo tâm rộng lớn, dạy trì thần chú viên mãn, lia hẳn đường ác, được sinh trước Phật, tội nặng Vô gián, bệnh dữ buộc thân chẳng thể cứu giúp, đều khiến tiêu trừ. Tam-muội biện tài hiện đời cầu nguyện, đều khiến toại quả, quyết định vô ngại, khiến cho mau được Ba thừa, mau lên Phật địa. Năng lực oai thần khen chẳng thể cùng. Cho nên nay con nhất tâm quy mạng đánh lễ bày tỏ lòng thành khẩn. Tùy theo trí lực mà nói như thật. Nhưng việc mong cầu chẳng thể thêm lớn sinh tử. Tâm đã vận thì phải lợi ích chúng sinh. Chỉ ở chuyên cần mới có cảm thông, cẩn thận chớ nên xem thường.

7. Làm lễ:

- Nhất tâm đánh lễ Đức Thế Tôn Bốn sư Thích-ca Mâu-ni.

(Như trong thỉnh Tam bảo các vị trước đều phải gieo năm thể sát đất, chí thành kính lễ, đúng như danh sách đã nêu trên ở mục thứ năm, mỗi vị một lễ, hoặc ba lễ).

8. *Phát nguyện trì chú.* Kinh chép: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đồng nam (bé trai) đồng nữ (bé gái) muốn trì tụng, thì đối với các chúng sinh khởi tâm từ bi, trước phải từ ta phát nguyện như thế. Nguyện này rộng sâu gồm có quyền thật, nếu không phải Thiên Thai giáo quán thì không thể đến bến bờ. Nay y vào một nhà lược nêu tiêu chỉ, giúp người trì tụng tâm có chỗ về. Nguyện có hai phần: mười nguyện trước là nói pháp thành tựu, một thiện vãng sinh, sáu nguyện sau là nói pháp trừ diệt một bề phá ác. Nhưng y chuẩn theo nghe chú thì được lợi ích bốn quả mười địa. Bộ ở Phương Đẳng hiển bày. Nguyện này hợp bị Bồ-tát bốn giáo lại gồm hai giáo Nhị thừa. Cũng có pháp duyên từ bi, tùy đời mà làm lợi ích chúng sinh. Nay người tu đã hiển viên Đốn chỉ quán Tam-muội giác ý, lập nguyện khởi hạnh phải thuận ý Pháp Hoa. Cho nên Kinh Khê nói: Dẫn các văn rải rác gồm thành văn thể một đời, chánh ý chỉ ở đề hồ. Mười sáu nguyện phải y cứ khai hiển nghĩa viên mà giải thích. Mười nguyện trước đều đọc Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm. Nam-mô dịch là quy mạng, cũng có nghĩa là độ con, cũng là tin theo đại bi, vì Bồ-tát này tâm cứu khổ rất nặng, gọi là người có đủ đại bi, người thí vô úy, vì Bi thể này viên tức năng cho vui. Quan Thế Âm đủ như trong Biệt Hành Sơ có giải thích. Bởi thương xót rất sâu cho nên dạy chúng sinh cầu ta độ thoát, quy tâm thuận ta mà lập thế nguyện, vì khiến ta cơ cảm. Nhưng phải hiểu rõ Đại Bi Quán Âm tức là bản tánh của ta, nay muốn trở về gốc nên y cứ gốc mà lập nguyện. Lại nguyện này tức lực dụng của bản tánh. Mã Minh nói: Từ tâm mình khởi

tin, lại tin vào tâm mình. Kinh này nói phải từ ta phát nguyện như thế, nay dùng hai nghĩa mà giải thích mười nguyện này. Trước y cứ các kinh, bốn thế nguyện rộng lớn mà giải thích, kế y cứ mười thừa của các nhà đời nay mà giải thích phàm bốn hoàng thì y bốn đế mà khởi - Bốn đế: hai thứ trình bày nhân quả khổ thế gian, hai thứ bày nhân quả vui xuất thế, cho nên y theo đó lập bốn thế. Y khổ đế mà lập rằng: Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, y Tập đế mà lập rằng: Phiền não vô số thế nguyện dứt. Y Đạo đế mà lập rằng: Pháp môn vô tận thế nguyện học. Y Diệt đế mà lập rằng: Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Chỉ mười nguyện này cứu nhân khổ thế gian trước, cho nên thứ lớp hơi khác với bốn thế mà đều hai, hai thành nhau vì biết pháp là do Nhân trí độ chúng sinh, phải dùng toàn thuyền tiện sẽ vượt biển đạo, mà lên ở nhà trên núi để nương thân. Hai thứ đầu y Tập đế mà lập, trước nguyện biết tất cả pháp trần lao (phiền não) đều tức là pháp giới. Kế nguyện được mắt tuệ viên tịnh vì nếu không có tuệ này thì không thể biết. Ba, bốn là y theo Khổ đế mà lập, trước nguyện độ tất cả chúng đấm chìm. Kế nguyện sớm được thể nội (hiểu rõ) phương tiện. Nếu không có phương tiện thì độ chúng sinh chẳng khắp. Năm, sáu, bảy, tám là y Đạo đế mà lập. Đạo tuy muôn hạnh nhưng chẳng ngoài ba học. Nay trước cầu thật tuệ, Bát-nhã tức tuệ học, kế nguyện tuệ thành mà vượt biển khổ hai sinh tử, kế cầu xuất thế thượng thượng giới định, sau nguyện hai học công thành mà vào ba đức. Ba học của Niết-bàn là thuộc Đạo đế, vượt khổ chứng diệt là hiện chung của Đạo đế. Chín, mười là y theo diệt độ mà lập. Trước cầu pháp vô vi để chứa trong tâm thì hoặc diệt hành dứt, sau nguyện thâm ở pháp tánh, phục lại tịnh thân cũ thì rốt ráo thường tịch. Trăm ngàn nguyện cũng chẳng ngoài bốn hoàng, hướng chi là mười nguyện này? Lại nguyện chẳng y đế thì gọi là cuồng nguyện, cũng chẳng ngoài bốn. Nay vì Quan Âm Trí Xảo Bi Thâm nên mở bốn làm mười, thì khiến người tu nêu tâm lập hạnh, từ đầu đến cuối thấy đều hiển rõ, nhưng vẫn phải hiểu rõ tướng thủy chung, thể tánh dung tức. Cho nên ngài Kinh Khê nói: Sơ tâm khắp nhiếp, quán hoặc pháp giới, tức hoặc thành trí, tức sinh thành diệt gọi là viên bốn thế. Lại hiểu rõ hai thế trước là tánh đức cứu khổ, hai thế sau là tánh đức ban vui. Tánh khổ vui đâu cần phải cứu ban, tức thế vô tác; hai là y cứ mười thừa của các nhà ngày nay mà giải thích. Thánh ý bao hàm nhiều, có hai cách giải thích, tìm kinh đầu đuôi lấy sau nghiệm trước biết nguyện ấy thành là pháp mười thừa. Vì sao? Vì trước khi nói chú thì khiến phát mười nguyện. Nói chú xong rồi liền bày tướng chú, có chín câu đều là chú,

thể thành mười pháp cùng mười thừa của các nhà ngày nay, lại không khác nhau. Sau ở trong quán hạnh sẽ nói. Mười thừa: Một là quán cảnh không thể nghĩ bàn; hai là phát tâm Bồ-đề; ba là khéo an chỉ quán; bốn là phá pháp khắp; năm là biết thông bát; sáu là điều thích đạo phẩm; bảy là đối trị giúp khai; tám là biết thứ vị; chín là an nhẫn; mười là lìa thuận đạo pháp ái. Mười nguyện đối với đây chỉ một chỗ trước sau. Đó là y cảnh phát tâm, đây thì y cảnh tu quán, đều có ý ấy. Một là nguyện biết tất cả pháp hiện cảnh không thể nghĩ bàn, chẳng phải một niệm ba ngàn há gồm thấu tất cả; hai là nguyện mắt trí tuệ viên chỉ quán thành nhãn trí của Phật, không có nhãn trí này thì không hiển bày diệu cảnh; ba là nguyện độ tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề phần mãn, vô duyên cho cứu, Sơ trụ trở lên mới hiện tiền; bốn là nguyện khéo phương tiện thành phá khắp. Đã phá ba hoặc rồi mới được nhậm vận cho cứu phá khắp, tức độ sinh thanh tịnh. Bồ-tát phá hoặc là vì độ sinh; năm là nguyện thuyền Bát-nhã. Biết thông bát như nước có thuyền, tức bát hay thông; sáu là nguyện vượt biển khổ, là thành đạo phẩm, nếu không có đạo phẩm vô tác thì không vượt được hai sinh tử; bảy là nguyện giới định đạo để thành trợ đạo, dùng tâm vô tác mà tu sự giới định, vì có công năng trị ác; Tám là nguyện lên núi Niết-bàn, là biết thứ vị. Núi phải từ thấp lên cao, tuy quán tức lý đạo chẳng có thứ lớp; chín là nguyện ở nhà vô vi là thành hạnh an nhẫn. Xả gọi là xả chúng, mau chứng vô vi. Đây làm chẳng chuyên thì sơ phẩm thượng địa cũng thế. Được trời rồng cung kính chẳng lấy làm mừng tức là lệ ấy. Mười là nguyện đồng thân pháp tánh là lìa pháp ái. Chẳng trệ giống giải hợp thân chân thật. Cho nên y theo văn hai. Hai thành nhau, là chiếu cảnh do chỉ quán, cho cứu do phá hoặc, trước biết Thông bát mới tu đạo phẩm. Không có công đối trị làm sao có thứ vị. Nếu chẳng an nhẫn thì không có giống ái để lìa. Pháp quán này tu ở danh tự, thành ở năm phẩm, tự phát ở sáu căn, chân phát ở phần chứng, rốt ráo ở Diệu giác. Nay lập nguyện, là nguyện tu mà được, môn thành tức thế gian. Hoặc ở một quán, hoặc trái tâm khác, liền vào Tự chân cho đến Đẳng Diệu. Lại phải biết mười pháp này, tuy nói tu chứng cho đến nhân quả mà hiện tiền một niệm vốn tự viên thành tự, toàn tánh khởi tu, ngay nơi nhân thành quả. Nay lập mười nguyện nêu tâm ở đây. Lại phải biết mười pháp này. Tuy là Trí Giả đời tượng pháp tuyên dương, mà đều là ý chỉ tiếm đốn của các kinh, vì lìa mười thứ này lại không có pháp tu chứng khác. Xe lớn Pháp Hoa rất đáng so sánh. Sáu nguyện sau một bề phá ác. Trong đó, ba nguyện trước là phá địa ngục, hai là phá riêng hai thứ

đạo hỏa, thứ ba là phá tất cả địa ngục. Ba nguyện sau là phá các đường khác. Phải biết sáu nguyện đều vì tất-đàn đối trị mà lập. Cho nên địa ngục gọi là dẹp bỏ khô cạn, ngạ quỷ gọi là ăn no đủ, Tu-la gọi là điều phục, súc sinh gọi là trí tuệ. Như sáu Quán Âm đối phá sáu đường. Chỉ có trời từ thiện dùng thiện mà ép, người thì gồm vào lý tư duy mạnh, còn bốn đường kia đều từ đối trị vì ác nhiều. Đều nêu “ta”: tuy là người tu tự xưng nhưng đều là có tánh ngã chân thường, một niệm mười ngàn pháp. Trong mười nguyện trước, mỗi chữ Ta đều như thế. Nếu là lời bất định, tùy đường mà đối trị. Đều nói hướng là dạy đối, là nghĩa đối trị hợp rõ, tức dùng ngã tánh bốn đường làm năng đối trị, ba chướng bốn thú làm Sở đối trị. Đều nói tự, là ba chướng vốn không do vô minh mà có. Trị dùng viên pháp, xứng bản hư dung, lại chẳng chướng ngại, nên nói tự dẹp bỏ. Nhưng năng trị có tự tha, sở trị có ba chướng, người tự trị thì có sự hành lý quán để tự, tha thì nói về thần thông cảm ứng. Vì sao? Vì nếu tự khởi phiền não bốn đường, gây ra nghiệp ác bốn đường, khi chịu khổ bốn thú mà xưng danh tụng chú để đối lại, nguyện ba chướng này tự dẹp bỏ, v.v... thì đây là sự hành để trị. Nếu tự dùng mười thừa quán tuệ đối với bốn đường hoặc hoặc, hoặc nghiệp, hoặc báo thì nguyện được quán thành chướng diệt, tức dẹp bỏ, v.v... thì đây là lý quán mà tự. Nếu tự quán hạnh thành năng phá ba chướng, hiển bày ngã tánh được tự tại hoàn toàn. Thấy tất cả chúng sinh bị bốn thú ba chướng làm khổ thì dùng tự giải lực mà đối, tức là thần thông tự tha. Dùng phần mãn lực mà đối lại, tức là cảm ứng tự tha. Cho nên một nói nếu ta đến núi đao thì núi đao tự sụp đổ. Nghĩa ấy rất sâu xa không thể nói đủ. Nguyên là chỗ về Quán Âm làm chướng ba đường, thần chú và ngã thể là pháp giới, cũng gọi là Trung đạo. Nêu một mà gồm hết, pháp pháp dứt bật đối. Vì cương mê nên tạm chia ra cảm ứng, cho nên nói Nam mô vì dịch là mê nên nghĩa lập đối trị, nên nói Ta hướng. Nay thuận viên pháp mà lập các nguyện trên gọi là thế vô tác, công đức ấy rất lớn. Hỏi: Người viên giải viên tu thì được lợi ích có thể như thế, còn người không hiểu đây thì tu nào có ích gì. Đáp: Pháp thể vốn như thế. Bậc Thánh xứng bốn mà bày tu này. Nếu chưa hiểu trọn vẹn thì chỉ được cơ thành, mặc tình được lợi ích. Nếu hiểu được thì công đức chẳng thể nói. Như châu ma-ni, người ngu mà được thì không phải hoàn toàn vô ích, chỉ đổi một chiếc áo, một bữa ăn mà thôi. Nếu người biết, thì mười sự tu trị, bốn châu mưa báu. Cho nên kinh chép: Nếu có tuệ quán phương tiện, thì quả vị mười địa sẽ được chẳng khó. Cho nên người tu phải gần gũi thầy lành mà học viên giải này lập nguyện ở tâm miệng như một, thì ba chướng

liền tiêu, pháp thân mau chứng.

Nam-mô Đại bi Quan Thế Âm
 Nguyện con mau biết tất cả pháp.
 Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
 Nguyện con sớm được mắt trí tuệ.
 Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau độ tất cả chúng.
 Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
 Nguyện con sớm được phương tiện khéo.
 Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau được thuyền Bát-nhã.
 Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau được đạo giới định.
 Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau lên núi Niết-bàn.
 Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau gặp nhà vô vi.
 Nam-mô Đại bi Quan Thế Âm
 Nguyện con sớm đồng thân pháp tánh.

*Nếu con nhìn núi đao
 Núi đao tự sụp đổ
 Con nhìn lửa, nước sôi
 Lửa, nước tự tiêu diệt.
 Nếu con nhìn địa ngục
 Địa ngục tự khô cạn
 Nếu con nhìn ngạ quỷ
 Ngạ quỷ được no đủ.
 Nếu con nhìn Tu-la
 Tu-la từ điều phục
 Nếu con nhìn súc sinh
 Tự được trí tuệ lớn.*

Kinh nói phát nguyện ấy rồi dốc lòng xưng niệm danh hiệu ta, cũng phải chuyên niệm Bản sư ta là Đức Như Lai A-di-đà. Sau đó phải tụng Đà-la-ni này.

Nam-mô Bồ-tát Quán Thế Âm, Nam-mô Phật A-di-đà.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, nếu các chúng sinh tụng trì Thần Chú Đại Bi mà còn đọa vào ba đường ác, thì con thể không thành Chánh Giác. Ai trì tụng Thần Chú Đại Bi nếu

chẳng sinh về các cõi nước Phật, thì con thể không thành Chánh Giác. Ai tụng trì Thần chú Đại Bi, nếu chẳng được vô lượng Tam-muội biện tài, thì con thể không thành Chánh Giác. Ai tụng trì Thần Chú trong hiện đời tất cả sự mong cầu nếu chẳng toại ý thì chẳng được gọi là Tâm Đại Bi Đà-la-ni. Cho đến nói lời ấy rồi ở trước chúng hội chấp tay chánh trụ các chúng sinh mà khởi tâm đại bi, vui mừng mỉm cười liền nói Tâm Vô Ngại Đại Bi viên mãn rộng lớn như thế, chương cú thần diệu của Đại Đà-la-ni.

Đà-la-ni rằng:

Nam mô hát ra đất ra đa ra dạ đa 1- Nam mô A rị da 2 - Bà lô yết đế thước bát ra da 3 - Bồ-đề Tát đa bà đa 4 - Tát đa bà đa 5 - Ma ha Ca lô ni ca da 6 - án 7 - tát bàn ra phạt duệ 8 - Số đất na đất tả 9 - Nam mô tất cát lợi (lì) đỏa y mông a lợi da 10 - Bà lô cát đế thất Phật ra lăng đà bà 11 - Nam mô na ra cẩn trì 12 - Hê rị ma ha bàn đa sa mế 13 - Tát bà a tha đậu dụ bằng 14 - A thệ dựng 15 - Tát bà tát đa na ma bà đà 16 - ma phạt đặc đậu 17 - Đát diệt tha 18 - Án a bà lô hê 19 - Lô ca đế 20 - Ca la đế 21 - Di hệ rị 22 - Ma ha Bồ-đề Tát-đỏa 23 - Tát bà tát bà 24 - Ma la ma la 25 - Ma hê ma hê rị đà dựng 26 - Cu lô cu lô yết mông 27 - Độ lô độ lô phạt xà da đế 28 - Ma ha phạt xà da đế 29 - Đà la đà la 30 - Địa lợi (lì) ni 31 - Thất phạt ra da 32 - Giá ra giá ra 33 - Mạ ma phạt ma la 34 - Mục đế lệ 35 - Y hê y hê 36 - Thất na thất na 37 - A ra sâm Phật la xá lị 38 - Phạt sa phạt sâm 39 - Phật ra xá da 40 - Hô lô hô lô ma ra 41 - Hô lô hô lô hê lị 42 - Ta la ta la 43 - Tất lị tất lị 44 - Tô lô tô lô 45 - Bồ đề dạ bồ đề dạ 46 - Bồ đà dạ bồ đà dạ 47 - Di đế lị dạ 48 - Na ra cẩn trì 49 - Địa rị sắc ni na 50 - Ba dạ ma na 51 - Ta bà ha 52 - Tát đà dạ 53 - Ta bà ha 54 - Ma ha tát đà dạ 55 - Ta bà ha 56 - Tát đà dụ nghệ 57 - Thất bàn la da 58 - Ta bà ha 59 - Na ra cẩn trì 60 - Ta bà ha 61 - Ma la na la 62 - Ta bà ha 63 - Tất la Tăng a mục khô da 64 - Ta ba ha 65 - Ta bà ma ha a tát đà dạ 66 - Ta ba ha 67 - Giả cát la a tát đà dạ 68 - Ta bà ha - Ba đà na yết tất đa dạ 70 - Ta ba ha 71 - Na la cẩn trì bàn da la da 72 - Ta ba ha 73 - Ma bà li thắng yết la dạ 74 - Ta ba ha 75 - Nam mô yết ra đất na đa ra dạ da 76 - Nam mô a rị da 77 - Bà lô cát đế 78 - Thước bàn ra dạ 79 - Ta ba ha 80 - Án tất điện đô 81 - Mạn đa la 82 - Bạt đà da 83 - Sa bà ha 84.

Bồ-tát Quán Thế Âm nói chú này xong, mặt đất rung chuyển sáu cánh động, trời rải hoa báu rục rờ trên xuống như mưa. Chư Phật mười phương đều vui mừng. Ma trời, ngoại đạo sợ hãi rợn ốc, tất cả chúng hội đều được chứng quả. Hoặc được quả Tu-đà-hoàn, hoặc được quả

Tư-đà-hàm, hoặc được quả A-na-hàm, hoặc được quả A-la-hán, hoặc được Sơ địa, Nhị, Tam, Tứ địa cho đến Thập địa. Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

9. *Sám hối.* Người tu tụng chú xong, phải nghĩ tất cả duyên chướng đều do nhân đời trước, đời đời theo nhau làm oán, làm thân, làm chướng, làm não. Nếu chẳng sám hối thì làm sao được giải thoát, đạo pháp chẳng thành. Cho nên phải bày tỏ, ai cầu Tam bảo diệt trừ cho con. Kinh nói: Vì tất cả chúng sinh, sám hối tội nghiệp đời trước, cũng tự sám tạ các thứ ác nghiệp trong vô lượng kiếp - Pháp Hoa Tam-muội nói: Nghiệp tánh tuy không, quả báo chẳng mất, nhân duyên điên đảo khởi các tội nặng, khóc lóc buồn thương, miệng nói sám hối.

Khấp vì bốn ân ba hữu, chúng sinh trong pháp giới đều nguyện dứt trừ ba chướng, quy mạng sám hối. Dốc lòng sám hối. Con là Tỳ-kheo pháp sinh... cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới, hiện tiền một tâm vốn có ngàn pháp, đều có thần lực và trí sáng, trên đồng với tâm Phật, dưới đồng với xá thức vô thỉ ám độn, làm chướng tịnh minh này, gặp việc thì mê tối, cất tâm thì trói buộc mê đắm. Trong pháp bình đẳng mà khởi tưởng mình người, ái kiến làm gốc, thân miệng làm duyên, ở trong các hữu không tội nào chẳng tạo, mười tội ác, năm tội nghịch, chê pháp chê người, phá giới phá trai, phá hoại chùa tháp, ăn cắp vặt của tăng làm nhiễm ô phạm hạnh thanh tịnh, xâm tổn của thường trụ ăn uống tiền của, ngàn Phật ra đời chẳng cho sám hối. Các tội như thế vô lượng vô biên, bỏ thân mạng này đọa vào ba đường, bị đử muôn chỗ. Lại trong hiện đời các não nấu đốt, hoặc bệnh dữ trói buộc, duyên khác ép bức, chướng ngăn đạo pháp, chẳng được huân tu. Nay gặp được Thần Chú Đại Bi Viên mau được diệt trừ các tội chướng như thế. Cho nên ngày nay tụng trì, quy hướng Bồ-tát Quan Thế Âm và các Đại sư mười phương, phát tâm Bồ-đề, tu hạnh chân ngôn, cùng các chúng sinh phát lồ các tội, cầu xin sám hối, rớt ráo tiêu trừ. Cúi mong Đại Bồ-tát Đại Bi Quan Thế Âm ngàn tay che chở, ngàn mắt chiếu soi, khiến chúng con, chướng duyên trong ngoài vắng lặng, hạnh nguyện mình người viên thành, mở gốc biến tri, chế phục các ma ngoại đạo, ba nghiệp tinh tấn tu nhân Tịnh độ, đến khi bỏ thân này không còn con đường nào khác, chắc chắn được sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà, gần gũi cúng dường Đại Bi Quán Âm, đủ các tổng trì, rộng độ chúng sinh, đều ra khỏi vòng khổ, đồng đến đất trí. Sám hối phát nguyện rồi, quy mạng lễ Tam bảo (lễ một lạy hoặc ba lạy).

Kế đến phải đúng pháp mà đi nhiều, hoặc ba vòng, hoặc bảy

vòng.

Kế miệng xướng rằng:

- Nam-mô Thập Phương Phật
- Nam-mô Thập Phương Pháp
- Nam-mô Thập Phương Tăng
- Nam-mô Phật Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni
- Nam mô Phật A-di-đà
- Nam mô Phật Vô Lượng Thiên Quang Vương Tịnh Trụ.
- Nam mô Đà-la-ni Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm

Đại.

- Nam mô Bồ-tát Thiên Thủ Thiên Nhân Quan Thế Âm
- Nam mô Bồ-tát Đại Thế Chí
- Nam mô Bồ-tát Tổng Trì Vương.

(Niệm các câu trên hoặc ba biến hoặc bảy biến).

- Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô thượng.

- Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, vào sâu kinh tạng, trí tuệ như biển.

- Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, quản lý đại chúng, tất cả vô ngại kính lễ Thánh Chúng.

10. Quán hạnh:

Người tu đã lễ sám rồi phải ra khỏi đạo tràng. Ở riêng một chỗ, ngồi trên giường dây, y kinh tu quán. Kinh nói chú này kết ích vừa xong. Đại Phạm Thiên Vương thỉnh rằng: Cúi mong Đại sĩ vì con nói tướng trạng Đà-la-ni. Bồ-tát Quán Thế Âm nói: Tâm đại từ bi là tâm bình đẳng, tâm vô vi là tâm vô nhiễm, tâm không quán là tâm cung kính, tâm thấp kém là tâm không tạp loạn, là tâm Vô thượng Bồ-đề. Phải biết các tâm như thế tức là tướng mạo của Đà-la-ni. Các thầy y theo đây mà tu hành. Nay vội giải thích ý này. Văn kinh nói chín tâm tức là y cảnh phát tâm Bồ-đề, v.v... chín pháp thừa. Vì thân chú trước là lý cảnh, hỏi thông bày lời dùng mật đàm càng bày thâm bí. Cho nên bậc thượng căn chỉ nghe một lần liền được vào chứng, hoặc vị Tứ quả, hoặc lên Thập địa, nội ngoại phạm vị, gọi chung là Phát tâm. Ấy là Đại Phạm nhìn thấy người thượng căn nghe cảnh được ngộ. Bèn vì người trung hạ mà thỉnh chín thừa kia. Cho nên nói tướng mạo lý cảnh như thế xe, tướng mạo như cụ độ. Hỏi: Đã xứng pháp xứng cơ, cho nên Quán Âm khen rằng: Ông làm phương tiện lợi ích tất cả chúng sinh nên mới hỏi câu này. Cho nên biết ý đầy đủ của thể chú cho đến chín tâm mười thừa. Lại kinh

này thường khiến người tu đối với các chúng sinh khởi tâm đại từ bi. Nếu không y theo lý há quên ái kiến. Cho nên trước lý cảnh tức gốc từ bi, sau là ba tâm thành pháp bi, phải biết kinh này chánh nói hạnh bi. Lại phải biết bộ ở Phương Đẳng, mười pháp này chung cho bốn giáo, mà rộng lớn viên mãn vô ngại đại bi. Hai giáo Tạng Thông rộng lớn ư? Biệt tuy có lý tu ở lúc sau, Viên giáo sơ tâm đều dùng thể này. Nay nói quán tâm chỉ nương vào viên diệu. Nhưng có hai thứ tức là y cứ hạnh và nương gá sự. Một là y cứ hạnh, tức là ở ngay một niệm mà quán mười giới, trăm giới diệu pháp ngàn như, tuy tức một niệm mà ngàn pháp rõ ràng. Toàn thể tức không, đương xứ tức giả, nhưng không phải hai bên, lại tức song chiếu chẳng thể dùng một nhiều mà nói, vì sao lấy có không mà nghĩ suy? Hoặc biên hoặc trung đều chẳng nhất định. Cho nên, mật ngữ mà hiển bày liễu thuyên, đều chẳng thể dùng thức mà biết, chẳng thể dùng lời mà nói. Ấy vì tâm mình quán cảnh không thể nghĩ bàn. Đã biết tâm mình nếu là lại nghĩ tất cả chúng sinh, niệm niệm như thế. Sẵn có chín giới tức là cõi Phật, nhưng đều đủ các thứ nhân quả, tức một khổ tất cả khổ, ta cùng chúng sinh đều tham sân si động thân miệng ý theo nghiệp chịu báo muôn kiếp ngàn đời; cho nên đối với mình người, rất sinh thương xót khởi tâm đại bi, thể cứu khổ ấy. Sẵn có cõi Phật tức là chín cõi nhưng đều đủ mười thứ nhân quả. Tức một vui tất cả vui. Ta và chúng sinh vì tâm phạm tiểu cầu thân trời người và quả Nhị thừa, được ít mà cho là đủ, giúp chúng sinh vui mừng là khó. Cho nên ở mình người ái niệm xót thương, thân khởi từ tâm thể cho vui ấy. Đây chính là cứu tất cả khổ cho vui rất ráo, nên gọi là tâm đại từ bi. Từ bi tuy khắp mà tán động còn nhiều, nên phải dùng chỉ quán chẳng hai mà an pháp tánh, khiến tịch chiếu đều dung, gọi là tâm bình đẳng. Nếu lý chưa hiển là do ba hoặc che lấp, phải quán hoặc này vốn không. Pháp tánh vốn tịnh, không thể phá lập, gọi là tâm vô vi. Nếu mê đắm đây mà quán thì ở thông khởi bí. Biết thông bí này gọi là tâm vô nhiễm. Các pháp tuy không, mà chứng do quán đạo, nếu quán chẳng điều hòa thích hợp thì phẩm thứ chẳng sinh. Đạo phẩm sinh nhau thành tâm không quán. Tệ giúp cho lý hoặc, chẳng hiển chân như. Sự độ giúp mở thấy chúng sinh bằng Phật, gọi là tâm cung kính. Bỗng dứt tâm thô gọi là đến sâu. Nếu biết viên vị Thượng mạn có thể khử gọi là tâm thấp kém. Danh lợi quyến thuộc ba thuật lìa xa, Tam-muội có thể thành gọi là tâm không tạp loạn, thực hành chín việc trên vượt chướng trong ngoài nếu khởi pháp ái thì chẳng được trước. Lìa được ái này mới lên phần quả, gọi là tâm Vô thượng Bồ-đề. Bậc thượng căn quán cảnh tức vào Sơ trụ, hoặc

nội ngoại phạm trung căn thì từ hai đến bảy, hạ căn thì dùng hết; Hai là thác sự, Quán Âm một thân có ngàn tay ngàn mắt, tay có năng lực cứu vớt, mắt có dụng chiếu sáng, tức là ngàn thần thông trí tuệ. Một thân đủ mười ngàn tay mắt, ngàn tay mắt chẳng lìa một thân, bèn biểu thị một niệm tức ngàn thông tuệ, mười thứ thông tuệ chẳng lìa một niệm. Pháp xứng rộng lớn viên mãn lại nói Vô ngại đại bi không phải một niệm ngàn pháp sao gọi tên này, đã mật thuyết, người làm sao hiểu được. Bèn hiện tướng này để làm biểu thị, không phải quán pháp một nhà làm sao có thể giải thích hết pháp danh thân tướng. Ở bộ ấy hiểu được tuy khác. Nay người tu được ý Pháp Hoa, đối với danh tướng này thì không hề khác. Huống chi ở đạo tràng chỉ thấy tướng này, chẳng biểu quán pháp làm sao cùng nhau dụng tâm. Cho nên hai thứ quán môn phải nương nhau mà tiến, hoặc đi đứng trì tụng, hoặc ngồi mà tư duy, quán không thể nghĩ bàn, chính nên tạm bỏ. Đó gọi là y pháp thọ trì. Cho nên trước lập mười nguyện, nay bày mười thừa. Tức pháp sở nguyện đã khiến y theo đây mà tu hành, tức là tướng tu của sơ tâm. Văn sau nói: Có quán tuệ phương tiện, là quả vị mười địa được chẳng khó, tức phần mãn chứng tướng, quán thành giống phát. Y theo lệ trước sau ý ấy sẽ rõ. Nếu chưa hiểu rõ giáo quán một nhà, thì phải gần gũi thầy lành hỏi học giải hạnh mới biết chánh tà. Cho nên phương tiện năm duyên thì bốn duyên có thể thiếu, nhưng duyên thiện tri thức phải đầy đủ. Nếu ở chỗ lạ không có thầy để nương thì phải tự tìm chỉ quán nhưng phải phụ hành, quyết thông quán đạo mới tu được. Cần thận chờ theo thầy, tâm tự lập khuôn phép. Lại phải biết nói như trên. Đây là ở thể chú sâu lấy kinh tông để thành quán hạnh. Nếu nói về lực dụng của kinh này thì người nào chẳng nhiếp, điều thiện nào chẳng gồm thâu. Cho nên cầu người Thanh văn đều được chứng quả, cầu việc thế gian đều theo tâm mà lược bày công đức bốn mươi tay. Muốn được giàu sang, muốn cầu quan chức, muốn trừ bệnh dữ của thân, cầu thầy bạn lành, muốn sinh Tịnh độ muốn lên các cõi trời, đều được toại nguyện. Cho đến, kinh nói người trì chú hoặc gió hoặc nước thấm ướt thân thì chẳng bị thú dữ làm hại, thường sinh trước Phật. Nếu người tu chưa thể tu quán, chỉ tin sâu dứt các tâm nghi ngờ, y văn mà tụng trì thì hiện đời và đời sau lìa khổ được thoát. Cho nên Pháp Hoa sám có lập tướng An lạc. Hạnh Tam-muội Bất Nhập, vì chỉ trì tụng cũng thấy được sắc thượng diệu. Cho nên biết sơ tâm nhập môn có nhiều thứ. Khi diệu ngộ thì lý phải hai xả. Cúi mong hoặc sĩ, hoặc thứ, hoặc tục, hoặc tăng đối với Tổng trì này mà sinh lòng tin quyết định, khởi tâm tinh tấn, đối với tướng và vô tướng mà ra sức

cố tu thì hiện đời chướng não đều trừ, vãng sinh Tịnh độ chẳng lầm, nói rộng lợi ích chép đủ trong các văn.

Thiên Thủ Nhân Đại Bi Tâm Chú Hành Pháp.

- Hết -